

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định UBND thành phố Uông Bí: Số 4787/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí; số 5115/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp I) Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí; số 155/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp I) Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp I) khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp 1) Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Công Thành;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Công Thành số 23/CV/CT ngày 23/8/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-TNMT ngày 30/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Công Thành, địa chỉ tại tầng 2, số nhà 231 - 233, đường Trần Nhân Tông, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp I) khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp I) khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5701169155 đăng ký lần đầu ngày 9/5/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/1/2016.

1.4. Mã số thuế: 5701169155.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc...); đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và bàn giao lại cho UBND thành phố Uông Bí quản lý.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Dự án có tổng diện tích 205.516,67 m². Trong đó: Đất ở: 69.749,35 m²; Đất dịch vụ: 6.019,35 m²; Đất công cộng: 11.682,31 m²; Đất cây xanh: 21.312,75 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật, kè, trạm xử lý nước thải: 96.752,70 m².

- Quy mô dân số: Khoảng 3.221 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Công Thành:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Công Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Uông Bí nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành - theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND thành phố Uông Bí tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Công Thành và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các Sở: KH-CN, XD;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công thông tin điện tử Sở TN&MT;
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 162

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thành

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2834/GPMT-UBND ngày 30 / 9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ từ các bể tự hoại của các hộ dân liền kề, nhà ở xã hội, nhà thương mại dịch vụ, biệt thự, trường học, nhà văn hóa của Dự án với lưu lượng lớn nhất 573 m³/ngày đêm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Sông Uông đoạn chảy qua khu 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- Tại công xả nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải của dự án xả vào sông Uông thuộc khu 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2326131.33, Y = 400285.00 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 107⁰45' múi chiếu 3⁰).

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 650 m³/ngày.đêm; tương đương khoảng 27,08 m³/giờ.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:*

- Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải xả vào hố ga tập trung nước thải (nằm trong khuôn viên Trạm xử lý nước thải), sau đó chảy vào tuyến cống BTCT D300 (đi chìm, dọc vỉa hè, dài 45m) rồi xả vào sông Uông đoạn qua khu 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), giá trị C, K=1, cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	3 tháng/lần	Không thuộc

2	COD	mg/l	≤50	3 tháng/lần	đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)
3	TSS	mg/l	≤100	3 tháng/lần	
4	TDS	mg/l	≤1000	3 tháng/lần	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤4,0	3 tháng/lần	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10	3 tháng/lần	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	≤50	3 tháng/lần	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤20	3 tháng/lần	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤10	3 tháng/lần	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	≤10	3 tháng/lần	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	≤5.000	3 tháng/lần	
12	Lưu lượng (đầu vào, đầu ra)	m ³ /s	-	Liên tục	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ từ các bể tự hoại 03 ngăn được chôn ngầm tại mỗi công trình của các hộ dân liền kề, nhà ở xã hội, nhà thương mại dịch vụ, biệt thự, trường học, nhà văn hóa của Dự án tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 650 m³/ngày.đêm thông qua mạng lưới cống tròn BTCT D300-D400 tải trọng phù hợp với từng vị trí đặt cống, các đoạn cống qua đường xây đá hộc và các hố ga xây gạch (khoảng cách trung bình 30-40m/ga), được đặt ngầm sau các công trình và dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → song chắn rác thô → Hố thu gom nước thải → bể lắng cát → bể điều hòa → bể Selecter → bể SBR → bể khử trùng.

- Công nghệ xử lý bùn hoạt tính cải tiến (A2O).

- Công suất xử lý: 650m³/ngày đêm, tương đương khoảng 27,08 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen lỏng 10%, dung dịch dinh dưỡng (mật rỉ đường), dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có. Do không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục quy định tại

khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý thường xuyên để kịp thời phát hiện các sự cố.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố dẫn tới chất lượng nước đầu ra không đạt quy chuẩn, nguyên nhân các quá trình xử lý không đạt yêu cầu hoặc do lỗi máy móc thiết bị, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý. Trong thời gian lưu chứa chủ dự án lập tức kiểm tra lại toàn bộ quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị để khắc phục. Trường hợp quá thời gian vẫn chưa khắc phục được, đơn vị quản lý sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý, không thải nước không đạt chuẩn ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 650m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): Nước thải đầu vào và đầu ra của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Kế hoạch quan trắc	Các thông số quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất	Số lượng mẫu	Tiêu chuẩn quy chuẩn so sánh
Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả	pH, BOD ₅ , TDS, S ²⁻ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , dầu mỡ động	Đầu vào: Bể điều hòa nước thải.	15 ngày/lần (75 ngày đầu)	10	QCVN 14:2008/BT NMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc

của Trạm xử lý nước thải	thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, Coliform	Đầu ra: Đầu ra bể khử trùng.	15 ngày/lần (75 ngày đầu)	10	gia về nước thải sinh hoạt, cột B, giá trị C, K=1.
Giai đoạn vận hành ổn định	pH, BOD ₅ , TDS, S ²⁻ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, Coliform	Đầu vào: Bể điều hòa nước thải.	01 lần	02	QCVN 14:2008/BT NMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, giá trị C, K=1.
		Đầu ra: Đầu ra bể khử trùng.	01 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	06	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Không được phép xây dựng đường ống thu gom nước thải khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, khối lượng bùn thải phát sinh; Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm; Lắp đặt thiết bị theo dõi lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung; Lắp đặt thiết bị theo dõi lượng điện tiêu thụ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành trạm xử lý nước thải của Dự án./.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2834/GPMT-UBND ngày 30 / 9 /2022
 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên trong quá trình hoạt động: khoảng 1,25 kg/ngày.

- Chủng loại: Dầu mỡ thải, dầu nhiên liệu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy chì thải.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt của 3.221 người dân trong Dự án khoảng 2.576 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, giấy ăn, túi nilon, vỏ lon,...

- Lượng bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 31 m³/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, công trình tự phân loại CTNH tại nguồn sau đó lưu giữ tại Khu vực lưu giữ CTNH chung của dự án.

- Bố trí 4 thùng chứa CTNH dung tích khoảng 100 lít có dán nhãn từng loại CTNH, thùng chứa đảm bảo không gây phản ứng với CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:

+ 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bố trí phía Đông Nam dự án trong khuôn viên trạm xử lý nước thải, diện tích: 10,7 m².

+ Các thông số kỹ thuật cơ bản: Khép kín, tường bao kín xung quanh, nền bê tông, xây mái bằng; Có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào; Có rãnh và hồ thu gom chất thải lỏng theo đúng quy định.

Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải

nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ gia đình tự thu gom chất thải sinh hoạt hàng ngày đưa về vị trí tập kết theo quy định.

- Bố trí các xe đẩy rác tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để người dân bỏ rác.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- 01 khu tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích là 36,12m², xây dựng tại phía Đông Nam dự án trong khuôn viên trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Các thông số kỹ thuật cơ bản: Khu vực tập kết chất thải có mái che bằng tôn, tường gạch bao kín xung quanh, nền bê tông, lát xi măng, có rãnh thu gom nước rỉ rác đảm bảo thu gom toàn bộ nước rỉ rác để dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phân định mẫu bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước để chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý./.

PHỤ LỤC 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2834/GPMT-UBND ngày 30 / 9 /2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Bố trí thùng thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực công cộng, đường nội bộ trong khu vực dự án (khoảng 50 thùng, dung tích 50 lít/thùng).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Quản lý các loại chất thải phát sinh của Dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, địa phương về môi trường hiện hành, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo các hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng xấu môi trường xung quanh và khu vực dân cư lân cận.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Dự án. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực; quản lý vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý của Dự án với lưu lượng tối đa là 650 m³/ngày đêm.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chỉ được thực hiện các hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.